TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHÀ BÈ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/KDTM-ST
Ngày 27/4/2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bích Liên.

2. Bà Phạm Kim Tuyến.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thủy cán bộ Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 49/2022/TLST-KDTM ngày 10 tháng 11 năm 2022 về tranh hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 262/2023/QĐXX-ST ngày 22/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 416/2023/QĐST-KDTM ngày 11/4/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH P; Địa chỉ: 801 Nguyễn L, phường P, quận A, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Zhang Y, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Nguyễn Phú T, sinh năm 1992. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Phước Thới, xã L, huyện C, tỉnh L. (Theo giấy ủy quyền ngày 01/12/2021).

2. Bị đơn: Công ty TNHH H. Trụ sở: 112/5 Nguyễn T, ấp 3, xã H, huyện B,

Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1977, chức vụ: Giám đốc. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 08/9/2022 các biên bản tự khai, biên bản việc không tiến hành hòa giải được và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ của nguyên đơn Công ty TNHH P đại diện ủy quyền ông T trình bày:

Ngày 02 tháng 01 năm 2019 Công ty TNHH P (sau đây gọi tắt là Công ty P) và Công ty TNHH H (sau đây gọi tắt là Công ty H) ký Hợp đồng nguyên tắc cung cấp bê tông trộn sẵn số CFE-19-2.1-003 về việc cung cấp bê tông trộn sẵn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì Công ty P đã thực hiện tổng cộng 9 đợt kết toán khối lượng và thực hiện hồ sơ thanh toán với tổng giá trị hàng hóa đã cung cấp cho Công ty H là 809.654.230 đồng (Tám trăm linh chín triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn hai trăm ba mươi đồng). Ngày 20/3/2020 Công ty H trả 100.514.260 đồng còn nợ 709.139.970 đồng và ngày 25/3/2020 Công ty H trả 16.747.500 đồng còn nợ 692.392.470 đồng và ngày 31/3/2020 Công ty H trả 7.302.566 đồng còn nợ 685.089.904 đồng.

Ngày 19 tháng 04 năm 2021, đại diện Công ty H đã gửi kế hoạch thanh toán cho Công ty P về số tiền hàng còn nợ 685.089.904 đồng, thì Công ty H đã gửi kế hoạch thanh toán cho Công ty P, "thanh toán tối thiểu mỗi tháng 50.000.000 đồng kể từ tháng 05/2021 cho đến khi thanh toán hết công nợ" nhưng Công ty H không thực hiện như đã ký cam kết. Ngày 25/6/2021 Công ty P và Công ty H lập biên bản cấn trừ công nợ lúc này số tiền còn nợ là 677.124.904 đồng (685.089.904 đồng trừ 7.965.000 đồng) và ngày 23/11/2021 Công ty P và Công ty H lập biên bản cấn trừ công nợ lúc này số tiền còn nợ là 614.493.904 đồng (677.124.904 đồng trừ 62.631.000 đồng).

Tại phiên tòa ông T đại diện ủy quyền của Công ty TNHH P yêu cầu buộc bị đơn Công ty TNHH H phải thanh toán cho nguyên đơn Công ty TNHH P số tiền nợ là 614.493.904 đồng là tiền hàng và 180.711.573 đồng là tiền lãi chậm thanh toán tính tới ngày 27/4/2023 (số tiền lãi chậm thanh toán được tính bằng số tiền của 6 hóa đơn nhân với số ngày chậm thanh toán từ ngày 04/10/2020 nhân với lãi suất chậm thanh toán là 12,9%/năm). Tổng số tiền yêu cầu là 795.205.477 đồng trả ngay một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật theo Hợp đồng nguyên tắc cung cấp bê tông trộn sẵn số CFE-19-2.1-003 ngày 02/01/2019. Đồng thời tính tiếp lãi suất chậm trả từ ngày 28/4/2023 cho đến trả xong tiền.

- Bị đơn Công ty TNHH H không có phần trình bày do bị đơn không đến Tòa án tiến hành các thủ tục tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và nghe xét xử vụ án. Mặc dù đã tiến hành thủ tục tống đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè phát biểu ý kiến: Qua thực hiện công tác kiểm sát hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè đối với vụ án nhận thấy, trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử cũng như diễn biến tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân đã tuân thủ thực hiện đúng, đủ pháp luật về tố tụng; người tham gia tố tụng cũng đã chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền là 614.493.904 đồng là tiền hàng và 180.711.573 đồng là tiền lãi chậm thanh toán tính tới ngày 27/4/2023 (số tiền lãi chậm thanh toán được tính bằng số tiền của 6 hóa đơn nhân với số ngày chậm thanh toán từ ngày 04/10/2020 nhân với lãi suất chậm thanh toán là 12,9%/năm). Tổng số tiền yêu cầu là 795.205.477 đồng trả ngay một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật theo Hợp đồng nguyên tắc cung cấp bê tông trộn sẵn số CFE-19-2.1-003 ngày 02/01/2019. Đồng thời tính tiếp lãi suất chậm trả từ ngày 28/4/2023 cho đến trả xong tiền. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét nguyên đơn Công ty TNHH P với bị đơn Công ty TNHH H về tranh chấp Hợp đồng nguyên tắc cung cấp bê tông trộn sẵn số CFE-19-2.1-003 ngày 02/01/2019, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ 614.493.904 đồng là tiền hàng. Mặc khác Công ty TNHH H cư trú tại huyện Nhà Bè nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè đã nhiều lần tống đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng bị đơn Công ty TNHH H đến Tòa án để giải quyết, xét xử nhưng bị đơn vẫn không đến, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Công ty TNHH H.

[2] Xét yêu cầu nguyên đơn Công ty TNHH P yêu cầu Công ty TNHH H phải thanh toán số tiền nợ 614.493.904 đồng là tiền hàng và 180.711.573 đồng là tiền lãi chậm thanh toán tính tới ngày 27/4/2023 (số tiền lãi chậm thanh toán được tính bằng số tiền của 6 hóa đơn nhân với số ngày chậm thanh toán từ ngày 04/10/2020 nhân với lãi suất chậm thanh toán là 12,9%/năm). Tổng số tiền yêu cầu là 795.205.477 đồng trả ngay một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật theo Hợp đồng nguyên tắc cung cấp bê tông trộn sẵn số CFE-19-2.1-003 ngày 02/01/2019.

[2.1] Xét Hợp đồng nguyên tắc cung cấp bê tông trộn sẵn số CFE-19-2.1-003 ngày 02/01/2019 giữa nguyên đơn với bị đơn thực hiện việc cung cấp bê tông trộn sẵn là hợp đồng có hiệu lực pháp. Trong quá trình thực hiện nguyên đơn Công ty TNHH P đã thực hiện tổng cộng 9 đợt kết toán khối lượng và thực hiện hồ sơ

thanh toán với tổng giá trị hàng hóa đã cung cấp cho Công ty TNHH H là 809.654.230 đồng và bản kế hoạch thanh toán số 1904/TH-2021 ngày 19/4/2021 của Công ty TNHH H cam kết trả số tiền hàng còn nợ 685.089.904 đồng và biên bản cấn trừ công nợ số 0321/CTCN/2021 ngày 25/6/2021 và biên bản cấn trừ công nợ số 0421/CTCN/2021 ngày 23/11/2021 thì phía Công ty TNHH H có ký xác nhận đóng dấu của công ty thể hiện số tiền còn nợ 614.493.904 đồng Công ty TNHH P. Cho nên những chứng cứ tại Tòa cho thấy phía nguyên đơn đã cung cấp bê tông trộn sẵn nhưng phía bị đơn chưa thanh toán số tiền còn lại 614.493.904 đồng trong Hợp đồng nguyên tắc cung cấp bê tông trộn sẵn số CFE-19-2.1-003 ngày 02/01/2019 cho nguyên đơn.

[2.2] Xét nguyên đơn Công ty TNHH P yêu cầu Công ty TNHH H trả lãi suất nợ quá hạn 180.711.573 đồng (mức lãi 12,9%/năm tính từ ngày 04/10/2020 đến ngày 27/4/2023). Hội đồng xét xử căn cứ theo Điều 306 Luật thương mại 2005 quy định: *"Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả,* ***trừ trường hợp có thoả thuận khác*** *hoặc pháp luật có quy định khác"*. Tại Điều 4 khoản 4.5 của Hợp đồng nguyên tắc cung cấp bê tông trộn sẵn số CFE-19-2.1-003 ngày 02/01/2019 "*Sau 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Hồ sơ thanh toán từ Bên B mà Bên A chưa thanh toán thì Bên A phải trả lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng Vietcombank tại thời điểm toán nhưng thời gian thánh toán chậm không được vượt quá 30 ngày*."

Theo thông báo số 01-20/LSCV-VND lãi suất cho vay đồng Việt Nam hiệu lực từ ngày 01/1/2020 của Ngân hàng Vietcombank có lãi suất cho vay ngắn hạn sản suất là 8,6%/năm. Theo bảng tính tiền phạt do chậm thanh toán theo Hợp đồng nguyên tắc cung cấp bê tông trộn sẵn số CFE-19-2.1-003 ngày 02/01/2019 do phía nguyên đơn Công ty TNHH P cung cấp số tiền chậm thực hiện tạm tính đến ngày 27/4/2023 là 180.711.573 đồng.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận theo lãi chậm thực hiện 12,9%/năm (8,6%/năm x 150%) và ngày chậm trả nợ ngày 04/10/2020 (theo 6 hóa đơn: số hóa đơn 00000178 ngày 4/10/2020; 0000186 ngày 15/4/2020; 0000202 ngày 20/4/2020; 000210 ngày 25/4/2020; 0000223 ngày 30/4/2020 và 0000260 ngày 15/5/2020) tạm tính đến ngày 27/4/2023 số tiền là 180.711.573 đồng như phía nguyên đơn cung cấp bản tính lãi chậm thực hiện.

Như vậy Công ty TNHH H phải có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty TNHH P số tiền gốc 614.493.904 đồng và tiền lãi 180.711.573 đồng (tạm tính ngày 27/4/2023), tổng cộng 795.205.477 đồng thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời tiếp tục tính lãi từ ngày 28/4/2023 trên số dự nợ gốc thực nợ cho đến khi thực trả hết nợ gốc với mức lãi suất 12,9%/năm nên yêu cầu này được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 mức thu miễn giảm thu nộp quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016. Xét án phí sơ thẩm kinh doanh, thương mại bị đơn Công ty TNHH H có giá ngạch 35.808.219 đồng do chấp nhận yêu cầu nguyên đơn phía bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 795.205.477 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; Khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 70; Điều 71; Điều 72; Điều 147; Điều 157; Điều 192; Điều 217; Điều 225; Điều 264; Điều 266; Điều 267; Điều 269; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 306 Luật thương mại 2005.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 mức thu miễn giảm thu nộp quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu nguyên đơn Công ty TNHH P buộc phía bị đơn Công ty TNHH H thực hiện trả số tiền nợ tiền hàng là 614.493.904 đồng và tiền lãi suất chậm trả là 180.711.573 đồng (tạm tính đến ngày 27/4/2023), tổng cộng 795.205.477 đồng (Bảy trăm chín mươi lăm triệu hai trăm lẻ năm ngàn bốn trăm bảy mươi bảy đồng) cho Công ty TNHH P trong Hợp đồng nguyên tắc cung cấp bê tông trộn sẵn số CFE-19-2.1-003 ngày 02/01/2019. Việc giao trả tiền nêu trên ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật được thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Lãi chậm trả sẽ được tiếp tục tính kể từ ngày 28/4/2023 trên số dự nợ gốc thực nợ 614.493.904 đồng cho đến khi thực trả hết nợ gốc với mức lãi suất 12,9%/năm.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn Công ty TNHH H phải chịu án phí kinh tế thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 35.808.219 đồng (Ba mươi lăm triệu tám trăm lẻ tám ngàn hai trăm mười chín đồng) tại nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn Công ty TNHH P là 18.240.384 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2022/0014412 ngày 10/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND huyện Nhà Bè
- Thi Hành Án huyện Nhà Bè
- Đương sự
- Lưu (Hồ sơ, Vp …)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Việt Hồng